

Số: /CCKL-SDPTR

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2022

V/v đăng ký kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2022

Kính gửi:

- Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn, Hà Thanh, Quy Nhơn;
- Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban Quản lý rừng phòng hộ các huyện An Lão, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, Tây Sơn, Vân Canh, Vĩnh Thạnh.

Nhằm chủ động trong việc chuẩn bị, đảm bảo điều kiện để thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2022. Chi cục Kiểm lâm đề nghị các công ty TNHH lâm nghiệp, Trung tâm Khuyến nông và các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng các huyện căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch năm 2021 và Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2021- 2025 của đơn vị, rà soát diện tích trồng rừng, khoán bảo vệ rừng, khoán nuôi tái sinh rừng để đăng ký chi tiết kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 2022. Văn bản đăng ký kế hoạch gửi về Chi cục Kiểm lâm để tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt. Đối với các đơn vị trực thuộc UBND huyện phải có văn bản thống nhất của UBND huyện sở tại. Cụ thể theo những nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch

- a) Về bảo vệ rừng
- b) Về phát triển rừng (*trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất (trong đó trồng thâm canh gỗ lớn; chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn).*)
- c) Khai thác rừng và lâm sản
- d) Chi trả dịch vụ môi trường rừng
- đ) Các hoạt động khác

Ghi chú: Kết quả thực hiện theo Chương trình, dự án.

2. Kết quả giải ngân các nguồn vốn ngân sách cấp

(Đến thời điểm báo cáo và dự kiến đến 31/01/2022)

3. Tồn tại, nguyên nhân

- a) Tồn tại
- b) Nguyên nhân

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2022

1. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững

- a) Hỗ trợ Khoán bảo vệ rừng

* Khoán chuyển tiếp

- Khoán chuyển tiếp rừng tự nhiên (*diện tích rừng phòng hộ; rừng đặc dụng; rừng sản xuất*).

- Khoán chuyển tiếp rừng trồng (*diện tích rừng trồng phòng hộ phi lao ven biển; rừng trồng phòng hộ, đặc dụng, môi trường cảnh quan*).

* Khoán mới

- Khoán mới rừng tự nhiên (*diện tích rừng phòng hộ; rừng đặc dụng; rừng sản xuất*).

- Khoán mới rừng trồng (*diện tích rừng trồng phòng hộ phi lao ven biển; rừng trồng phòng hộ, đặc dụng, môi trường cảnh quan*).

b) Hỗ trợ bảo vệ rừng

- Hỗ trợ bảo vệ rừng theo Quyết định 24/2012/QĐ-TTg

+ Diện tích

+ Hỗ trợ cộng đồng vùng đệm.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất của các Công ty lâm nghiệp

- Diện tích

c) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên

- Khoanh nuôi mới;

- Khoán chuyển tiếp.

d) Trồng rừng: Đề chủ động chuẩn bị cho công tác trồng rừng trong năm 2022, đề nghị các đơn vị kiểm tra, rà soát đối tượng trồng rừng theo quy định tại Thông tư 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định các biện pháp lâm sinh; đăng ký cụ thể diện tích, địa điểm (*khoanh, tiểu khu, xã*) và hiện trạng khu vực dự kiến đưa vào trồng rừng: trạng thái thực bì, loài cây chủ yếu, mật độ cây tái sinh mục đích (*trên cơ sở kết quả kiểm tra, khảo sát tại hiện trường*); công thức dự kiến trồng rừng (*loài cây trồng, mật độ trồng; suất đầu tư cho 1 ha trồng và chăm rừng*).

* Trồng rừng tập trung

- Trồng rừng sản xuất:

+ Trồng mới;

+ Trồng lại rừng sau khai thác; trong đó trồng rừng thâm canh gỗ lớn.

- Trồng rừng phòng hộ

+ Trồng mới;

+ Trồng lại rừng (sau khai thác; rừng bị thiệt hại ..).

- Trồng rừng đặc dụng

+ Trồng mới;

+ Trồng lại rừng (sau khai thác; ..).

* Trồng cây phân tán (cây).

đ) Chăm sóc rừng

- Chăm sóc rừng trồng phòng hộ, đặc dụng, ngập mặn, MTCQ; trong đó: Chăm sóc năm thứ 2; chăm sóc năm thứ 3; chăm sóc năm thứ 4; CS năm thứ 5.

- Chăm sóc rừng sản xuất.

e) Diện tích rừng trồng gỗ nhỏ chuyển sang kinh doanh gỗ lớn.

g) Diện tích rừng thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

- Rừng tự nhiên;

- Rừng trồng.

h) Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững

- Rừng tự nhiên;

- Rừng trồng.

i) Xây dựng cơ sở hạ tầng

Xây dựng cụ thể hạng mục công trình, quy mô, địa điểm, tính cần thiết phải xây dựng (*kèm theo dự toán hạng mục công trình*).

(*Lưu ý: Đối với các công trình: Khoán bảo vệ rừng, Khoanh nuôi tái sinh rừng, chăm sóc rừng trồng các năm có diện tích thay đổi tăng hoặc giảm so với kế hoạch năm 2021 phải có giải trình cụ thể trong báo cáo*).

2. Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Hỗ trợ Khoán bảo vệ rừng

* Khoán chuyển tiếp

- Khoán chuyển tiếp rừng tự nhiên (*diện tích rừng phòng hộ; rừng đặc dụng; rừng sản xuất*).

* Khoán mới

- Khoán mới rừng tự nhiên (*diện tích rừng phòng hộ; rừng đặc dụng; rừng sản xuất*).

c) Hỗ trợ khoanh nuôi mây tự nhiên

- Khoanh nuôi mây chuyển tiếp

- Khoanh nuôi mây mới

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

IV. NHU CẦU VỐN

Tổng vốn đầu tư (*theo Chương trình, dự án*).

1. Vốn sự nghiệp

2. Vốn đầu tư phát triển

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất

2. Kiến nghị

(*Mẫu biểu xây dựng kế hoạch tại các Phụ lục I, II, III, IV kèm theo*)

Đề nghị các đơn vị khẩn trương thực hiện và có văn bản gửi về Chi cục

Kiểm lâm Bình Định trước ngày 20/01/2022 và gửi email về địa chỉ thuyvth@snnptnt.binhdingh.gov.vn để Chi cục Kiểm lâm tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở NN và PTNT (báo cáo);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Huỳnh Ngọc Bảo